

Bản án số: **84/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22 - 02 - 2022

Về việc: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng P**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Xuân P**

2. Bà **Nguyễn Thị Huyền N**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị L**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên
tòa: Bà **Hoàng Thị Hoài P** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành
phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
630/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021 về việc: *Tranh chấp ly hôn* theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **146/2021/QĐXX-ST** ngày 29/12/2021 và
quyết định hoãn phiên tòa số **10/2022/QĐ-HPT** ngày 20/01/2022 giữa các
đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Yến L** - sinh năm 1983 (Có mặt)

HKTT: Khu II, thị trấn K, huyện B, tỉnh H.

- **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn P** - sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Trú tại: P.301, nhà A, tổ 24E, H, phường T, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**[1] Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án,
nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến L trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn P xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có
đăng ký kết hôn ngày 03/10/2010 tại UBND xã Đ (Nay là xã H), huyện Đ, tỉnh
P. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh
mâu thuẫn do anh P không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm, không quan
tâm đến cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào giữa năm 2021,
anh P ghen tuông vô lý, chửi bới, sỉ nhục, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của
chị khi công khai mâu thuẫn vợ chồng lên mạng xã hội Facebook. Chị đã
chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng và gửi cả hai con về nhà bố mẹ đẻ ở vì không
muốn các con phải chứng kiến cảnh bố mẹ mâu thuẫn bất hòa. Anh chị chính
thức ly thân từ tháng 5/2021, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình
cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn anh P để ổn định cuộc sống,
yên tâm làm ăn nuôi con.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ V - sinh ngày 07/01/2011 và Nguyễn Phương K - sinh ngày 20/01/2018. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cho chị do hiện nay anh P không có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Từ khi chị đưa con về nhà ông bà ngoại của các cháu đến nay, anh P không có bất kỳ đóng góp cấp dưỡng gì cho các cháu. Hiện, chị đang làm kế toán tại Bệnh viện P, tổng thu nhập bình quân khoảng 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng chẵn*)/ tháng và có chỗ ở ổn định.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Yến L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2010 tại UBND xã Đ (Nay là xã H), huyện Đ, tỉnh P. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do từ khi dịch Covid-19 bùng phát, công việc của anh bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thu nhập bị giảm sút, không có tiền sinh hoạt gia đình để đưa cho chị L. Trong thời gian này, anh phát hiện chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, nhưng không có chứng cứ. Trong lúc nóng giận, anh đã đăng tải thông tin có nội dung xúc phạm chị L lên mạng xã hội Facebook, nhưng sau đó đã xóa, gỡ bài. Khoảng tháng 5/2021, chị L tự ý bỏ ra ngoài thuê nhà ở. Anh đã tắt điện thoại, không liên lạc với chị L trong vòng hơn 3 tháng, từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021. Anh chị chính thức ly thân từ tháng 5/2021. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng không đồng ý ly hôn vì vẫn muốn có một gia đình trên danh nghĩa do anh đã từng ly hôn một lần trước khi kết hôn với chị L.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung đúng như chị L trình bày. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu lớn là Nguyễn Thị Mỹ V và đồng ý để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu nhỏ là Nguyễn Phương K. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hiện nay anh đang làm nhân viên giám sát kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại quảng cáo Đ có trụ sở tại số 65 phố T, phường L, quận H, H, thu nhập bình quân khoảng hơn 10.000.000đ (*Mười triệu đồng chẵn*)/ tháng.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày. Về phía bị đơn là anh Nguyễn Văn P, quá trình giải quyết vụ án,

anh P đến Tòa làm việc, tham gia đầy đủ các buổi làm việc, hòa giải, đã trực tiếp nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/12/2021, nhưng khi Tòa án mở phiên tòa vào ngày 20/01/2022, anh P vắng mặt không lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và quyết định mở lại phiên tòa vào ngày 22/02/2022. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng cư trú của anh P tại Công an phường T, quận H, thành phố H thể hiện: Anh Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú và trước đây có sinh sống cùng vợ cũ là chị Vương Thị T và con chung của anh, chị tại địa chỉ: P.301, nhà A, tổ 24E, H, phường T, quận H, thành phố H. Hiện anh P không còn sinh sống ở đây. Anh P đang ở đâu cơ quan công an không nắm được. Do đó, Tòa án đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa cho anh P tại địa chỉ trên để anh thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn cố tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không có yêu cầu phản tố. Như vậy, anh P đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do khi xét xử vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến L đã giao nộp và Tòa án thu thập được theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng, Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2010 tại UBND xã Đại Nghĩa (Nay là xã Hợp Nhất), huyện Đ, tỉnh P. Đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị L thấy: Quá trình chung sống, đến năm 2020, giữa các đương sự phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống có quá nhiều khác biệt, dẫn đến nảy sinh bất đồng. Anh chị chính thức ly thân, không duy trì cuộc sống chung từ tháng 5/2021 đến nay và cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Các đương sự có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ V - sinh ngày 07/01/2011 và Nguyễn Phương K - sinh ngày 20/01/2018. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu lớn là Nguyễn Thị Mỹ V. Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con, chị L có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, anh P không có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến L đối với anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ V - sinh ngày 07/01/2011 và Nguyễn Phương K - sinh ngày 20/01/2018 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét. Về án phí: Chị L là nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến L khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú và có thời gian cư trú tại địa chỉ P.301, nhà A, tổ 24E (Nay là tổ 14), Hồ Đình, phường T, quận H, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn P: Qua xác minh nơi cư trú của anh Nguyễn Văn P, có cơ sở xác định anh P có nơi cư trú cuối cùng tại: P.301, nhà A, tổ 24E, Hồ Đình, phường T, quận H, thành phố H. Anh P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ trên nhưng vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến L đối với anh Nguyễn Văn P thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2010 tại UBND xã Đ (Nay là xã H), huyện Đ, tỉnh P nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh, chị thuê nhà trọ sống chung ở nhiều nơi, không có chỗ ở cố định. Anh chị chung sống bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm, lối sống có quá nhiều khác biệt nên giữa hai bên thường nảy sinh những vướng mắc, bất đồng. Đặc biệt từ khi dịch Covid-19 bùng phát, anh P bị mất việc làm, không có thu nhập, kinh tế gia đình lâm vào cảnh khó khăn, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên nghi ngờ vào sự chung thủy của nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào giữa năm 2021, anh P do ghen tuông đã công khai mâu thuẫn vợ chồng lên mạng xã hội. Chị L đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng và gửi hai con về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn anh P. Bản thân anh P cũng xác định nguyên nhân và quá trình mâu thuẫn đúng như chị L trình bày. Anh thừa nhận do nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, mặc dù không có chứng cứ, nên trong lúc nóng giận, đã đăng tải thông tin có nội dung xúc phạm chị L lên mạng xã hội Facebook, nhưng sau đó đã xóa, gỡ bài đăng. Anh đã tắt điện thoại, cắt đứt mọi liên lạc với chị L trong vòng hơn 3 tháng, từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021. Anh chị chính thức ly thân từ tháng 5/2021. Anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thuận tình ly hôn, nhưng không đưa ra được phương án hòa giải đoàn tụ, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, cố tình vắng mặt, không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Điều này thể hiện anh P không có thiện chí hòa giải, bỏ mặc hậu quả của việc ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự tại tổ dân phố nơi anh P có hộ khẩu thường trú và cư trú trước đây, cũng như quê quán của anh P thể hiện: Chính quyền địa phương không nắm được tình trạng mâu thuẫn vợ chồng L - P vì mâu thuẫn không thể hiện ra bên ngoài. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, giải quyết tài sản chung, nhà ở chung đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Theo cung cấp của đại diện hai bên gia đình xác nhận các đương sự có điều kiện kết hôn, nguyên nhân và quá trình mâu thuẫn về cơ bản đúng như các bên trình bày. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ động viên các đương sự hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Các đương sự đã chính thức ly thân từ tháng 5/2021 đến nay, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là: thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc tốt đẹp đã không thể thực hiện được. Bản thân các đương sự cũng xác định không còn tình cảm với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn anh P.

Về con: Chị L và anh P có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ V - sinh ngày 07/01/2011 (Nữ) và Nguyễn Phương K - sinh ngày 20/01/2018 (Nữ). Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Tính đến thời điểm Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ngày 29/12/2021), cháu Nguyễn Thị Mỹ V thuộc trường hợp phải lấy ý kiến về nguyện vọng của con chung, cháu Vân đã có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Cháu Nguyễn Phương K chưa đủ 7 tuổi nên không thuộc trường hợp phải lấy ý kiến về nguyện vọng của con. Xét thấy từ trước đến nay, cả hai cháu vẫn ở với chị L và do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ tháng 5/2021 đến nay cả 02 cháu ở cùng mẹ và ông bà ngoại ở khu II, thị trấn K, huyện B, tỉnh H. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, trong khi anh P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu lớn là Nguyễn Thị Mỹ V. Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị L có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, làm việc theo giờ hành chính, có thời gian chăm sóc, giáo dục con; trong khi anh P không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, thường xuyên thay đổi chỗ ở, không có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Mặt khác, cả hai cháu đều là gái, cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ trong giai đoạn phát triển này. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao cả hai con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng, khả năng và điều kiện của các bên đương sự và bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cả hai cháu Nguyễn Thị Mỹ V - sinh ngày 07/01/2011 và Nguyễn Phương K - sinh ngày 20/01/2018 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi chị L và anh P ly hôn cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh P cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến L đối với anh Nguyễn Văn P.

Chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số **27**, quyền số 01/2007 ngày 03/10/2010 do UBND xã Đ (Nay là xã H), huyện Đ, tỉnh P cấp cho chị Nguyễn Thị Yến L và anh Nguyễn Văn P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Xác định chị L và anh P có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ V - sinh ngày 07/01/2011 (Nữ) và Nguyễn Phương K - sinh ngày

20/01/2018 (Nữ).

Sau khi ly hôn, chị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0012056** ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị L, vắng mặt anh P. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh P (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Hoàng Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

